

X

PHONG CÁCH KHẦU NGỮ TRONG TRUYỆN TIỂU LÂM VIỆT NAM

HỒ ĐÌNH THIÊN

1.1. Ta biết rằng khi xuất hiện loài người trên trái đất thì ngôn ngữ nói cũng xuất hiện. Sau đó, do yêu cầu của cuộc sống, ngôn ngữ viết cũng ra đời, ta nói đó là ngôn ngữ gọt giũa. Cách nói của cộng đồng chính là cách nói phong cách khẩu ngữ tự nhiên.

Khi nghiên cứu truyện tiểu lâm Việt Nam, chúng tôi thấy rằng mỗi truyện, ở mặt này hay mặt khác đều chứa đựng phong cách khẩu ngữ tự nhiên, dù là một suy nghĩ, một lời đàm tiếu, một sự khích bác, một sự răn dạy, một chút phê bình nhẹ nhàng.... Các từ ngữ trong câu nói đó bao giờ cũng gắn gũi với cuộc sống đời thường, dễ gây cười và để lại những ấn tượng khá sâu sắc cho người đọc hoặc người nghe.

1.2. Phong cách khẩu ngữ trong truyện tiểu lâm nói chung, nằm trong bối cảnh giao tiếp trực tiếp, thường là hai hoặc ba nhân vật đối thoại. Do vậy, các ý hoặc tứ trong lời nói không được chuẩn bị trước, tạo cho lời nói luôn luôn biến động, chuyển đổi dễ gây bất ngờ; nhiều khi các từ cố ý trùng lặp hoặc thay thế, ngược nghĩa v.v... đây là nghệ thuật dẫn chuyện. Tất cả những điều đó là để bung ra một sự bất thành linh dẫn đến tiếng cười. Các ý, tứ được đúc kết dồn nén vào câu cuối cùng của cốt truyện. Chẳng hạn trong một số truyện có câu cuối :

- Rõ khéo cho anh ! Bốn cẳng lại chẳng nhanh hơn sáu cẳng được à ?

(Bốn cẳng so với sáu cẳng)

- Đến mà ỉa ra hểp ông cũng chịu

(Ăn quen bén mùi).

1.3. Phong cách khẩu ngữ trong truyện cười không gây cho ta ấn tượng cũ kỹ, mà trái lại lúc nào cũng thấy mới, thấy hay và hợp với cuộc sống hàng ngày. Bởi vậy, kho tàng ngôn ngữ tự nhiên trong truyện và ngay cả cốt truyện của nó thường hay được áp dụng vào các ngữ cảnh đời thường.

Một đặc điểm của phong cách khẩu ngữ trong truyện tiểu lâm là cốt truyện được miêu tả rất cụ thể và nhiều chi tiết. Cái ẩn ý gây cười bao giờ cũng được nấp dưới các từ khẩu ngữ để rồi bùng lên vào cuối truyện. Ngôn ngữ trong các lời nói đầy sắc thái biểu cảm.

1.4. Ở đây, phong cách khẩu ngữ còn mang đậm dấu ấn cá nhân. Điều đó được thể hiện ở lời nói của từng nhân vật, ở mỗi bối cảnh cụ thể; nó gắn chặt với cử chỉ, hành động, ngữ điệu, quang ngát của chúng (nếu kể truyện). Dưới đây là lời nói của hai nhân

vật đối lập : người giàu - kẻ nghèo :

- Đã xuống địa ngục, sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bần mắt tao ?
(Chiếm hết chỗ).

- Dạ bẩm, thưa cụ, con nghe nó lộn ruột lắm ạ.
(Chó biết nói).

2. Khảo sát từ khẩu ngữ trong truyện tiểu lâm Việt Nam hẳn là một việc làm thú vị và cuốn hút. Chúng tôi thấy từ ngữ trong các truyện quả là đa dạng, phong phú. Bước đầu, chúng tôi thử đưa ra mấy cấu tạo từ khẩu ngữ sau đây :

2.1. Một yếu tố đa phong cách + một yếu tố không độc lập. Thí dụ : Nghe + lóm = nghe lóm.

- Một anh nọ nghe lóm người ta lúc ngồi ăn hay nói đến chữ "từu sác".
(Từu sác).

Nhảy + căng = nhảy căng.

- Anh ta hết khuỳnh chân ra lại thọt bụng vào, cuối cùng chịu không nổi phải nhảy căng lên cho đỡ bồng.

(Ăn vụng khoai).

Các yếu tố "nghe" và "nhảy" là những thực từ làm yếu tố chính, còn "căng" và "lóm" làm yếu tố phụ, thường ít đứng riêng, chức năng chủ yếu của chúng là làm rõ nghĩa cho yếu tố chính. Cả hai yếu tố chính và phụ hợp lại trở thành một từ khẩu ngữ.

2.2. Một yếu tố đa phong cách không miêu tả cụ thể + một yếu tố đa phong cách miêu tả cụ thể.

Thí dụ : Chạm + nọc = chạm nọc.

- Bọn quan thị nghe nói chạm nọc vội ôm gà cút mắt.
(Chọi gà).

Đào + nhân = Đào nhân.

- Lúc mới vào, tao đào nhân nhìn khắp nơi
(Cái chồi lông gà).

"Đào" và "nhân" kết hợp với nhau thì được "đào nhân" một từ ghép có đặc tính khẩu ngữ và gây cười.

2.3. Các quán từ mang tính khẩu ngữ kiểu như : "giọt ngắn giọt dài", "mắt nhắm mắt mở", "nửa đời nửa đoạn" được đưa vào trong câu làm cho câu mạnh hơn, khẩu ngữ hơn. Quán từ ở đây được đóng vai trò như một động từ vị ngữ. Thí dụ :

- Nghe xong nhà sư cũng giọt ngắn, giọt dài khồ nảo lắm.

- Các bà vợ đang mơ màng, chợt tỉnh dậy mắt nhắm, mắt mở ôm thốc chổng vào buồng.

(Ông nọ bà kia).

- Sao nửa đời nửa đoạn thế này .

(Thả cả ra)

2.4. Chuyển nghĩa. Đó là biến một yếu tố đa phong cách thành một yếu tố khẩu ngữ.
Thí dụ : cô gái - đám; chim gái - tòm tem.

- Rồi xem có đám nào tao sẽ hỏi cho một đám.

(Ba anh đây tớ)

- Anh ta vốn có thói quen tòm tem

(Ai bỏ mặc ai).

+ Rải rác trong một số truyện, người ta còn dùng đến kiểu từ đồng âm khác nghĩa, từ đa phong cách thành từ đơn phong cách (từ khẩu ngữ). Chẳng hạn :

- Thừa cụ, thế thì tệt thực, con chó nhà ta nó chó lằm.

(Chó biết nói)

+ Từ khẩu ngữ nói chung là những từ thuần Việt, bởi lẽ nó phát sinh từ thực tiễn cuộc sống đề chuyên chở những tình cảm, tính chất, sắc thái,... mà ngôn ngữ viết chưa thể hiện một cách trọn vẹn được. Vì vậy mà nó đầy hình ảnh và trường tồn. Có lẽ vì thế mà người ta sử dụng nhiều, linh hoạt, biến báo trong truyện tiểu lâm. Các nhà văn cũng triệt để sử dụng phong cách khẩu ngữ vào các tác phẩm văn học của mình. Với truyện cười, nó là vũ khí sắc bén để tố cáo, lên án hoặc phê phán những thói hư tật xấu của con người.

3. Thành ngữ khẩu ngữ.

Nhìn chung, thành ngữ tiếng Việt có khả năng diễn đạt bất cứ mặt nào của cuộc sống. Nó là một loại hình đa phong cách. Thành ngữ thường có hai nghĩa : nghĩa đen và nghĩa bóng; nghĩa đen có tính cụ thể, sinh động, còn nghĩa bóng thì mang tính trừu tượng, khái quát. Là một kết cấu chặt chẽ, cố định, thành ngữ thường miêu tả một hình ảnh, một động tác, một tính chất hay một trạng thái. Chính vì vậy mà thành ngữ diễn đạt được tính dân tộc khá sâu sắc. Trong truyện tiểu lâm, thành ngữ góp phần quan trọng vào việc tạo phong cách khẩu ngữ và làm tăng tính trung thực của cốt truyện. Chẳng hạn:

- Hấn tiu nghiu như chó cụt đuôi quay về. (Thành ngữ "tiu nghiu như mèo cứt tai")

(Giấu của).

- Bây giờ phải liệu đường mà làm ăn chứ ai lại ngồi đờ mà ăn không mãi thế. Thành ngữ "ăn không ngồi rồi").

(Tiên nhân thẳng nào).

- Tin nó đồ thóc giống ra mà ăn à. (Thành ngữ "đồ thóc giống ra mà ăn")

(Con đi mất dạy, tao lấy quần mày dêu)

Đôi lúc, ta bắt gặp một số thành ngữ bị xé lẻ ra và được chen vào một vài từ khác. Nhưng cho dù thế nào đi nữa thì nó vẫn lộ lộ một thành ngữ trong câu nói mà người nghe hoặc người đọc nhận biết được. Thí dụ.

- Dạ, vát cò chày cũng ra nước ạ ! (Thành ngữ "vát cò chày ra nước")

(Vát cò chày ra nước).

Kho tàng thành ngữ Việt Nam quả là đa dạng và phong phú. Nó là đội quân tinh nhuệ của ngôn ngữ, đầy sức sống và có giá trị sử dụng cao trong tiếng nói dân tộc. Thành ngữ khẩu ngữ được sử dụng uyển chuyển trong truyện tiểu lâm là một lẽ tất yếu, đương nhiên.

4. Kết cấu cú pháp trong phong cách khẩu ngữ.

4.1. Kết cấu chủ - vị (C-V) là kết cấu đa phong cách, nghĩa là được dùng cho mọi phong cách (phong cách ngôn ngữ văn bản khoa học, phong cách ngôn ngữ văn bản chính luận, phong cách ngôn ngữ văn bản hành chính và phong cách ngôn ngữ văn bản nghệ thuật). Nhưng trong lời nói, kết cấu C-V có thay đổi bằng cách thêm vào các từ khẩu ngữ. Chính vì điều này mà kết cấu chủ vị vô hình chung trở thành đơn phong cách, hay nói cách khác là biến thể của C-V thành kết cấu khẩu ngữ. Trong các biến thể của C-V này, người ta có thể đảo các trật tự của các thành phần trong câu .

Thí dụ : Tiền hết bao nhiêu, xin cụ cứ dạy ạ.

(Người giàu đi bốc thuốc).

- Lược bỏ thành phần :

+ Vô lý, thậm vô lý.

(Bầm, con biết ạ).

+ Vờ làm một kẻ ăn mày.

(Anh cả lác).

4.2. Kết cấu nhiều C-V

Kết cấu nhiều C-V, hay nói cách khác là kết cấu câu ghép, thường được chia ra hai kiểu : câu ghép đẳng lập và câu ghép qua lại.

- Câu ghép đẳng lập thường không có từ nối mà chỉ phân biệt giữa các C-V bằng dấu phẩy. Vì điều này mà câu ghép đẳng lập có thể tách thành các câu đơn độc lập. Điều đó nói lên tính chất lỏng lẻo của câu ghép đẳng lập và do vậy người ta có thể thêm các yếu tố khẩu ngữ vào câu (như từ đưa đẩy, ngữ khí từ...)

- Câu ghép qua lại thông thường người ta dùng từ nối hoặc cặp từ nối kiểu như : vì,... nên,..., nếu, ..., thì..., dù,..., nhưng...v.v.. Trong lời nói, để tiện giao tiếp, người ta, hoặc là không dùng từ nối, hoặc là lược bớt nếu có thể.

Qua đây, chúng tôi thấy rằng kết cấu C-V (câu đơn) và kết cấu nhiều C-V (câu ghép) ở truyện tiểu lâm Việt Nam, người ta sử dụng một cách nhuần nhuyễn từ khẩu ngữ và các yếu tố khẩu ngữ. Do vậy, lời nói bao giờ cũng uyển chuyển, đầy sắc thái biểu cảm. Chúng tôi đã thử tìm một trăm câu mang phong cách khẩu ngữ. Trong số 330 truyện cười thì chỉ thấy có 8 câu ghép.

Thí dụ :

- Sư ông đang đàn, vãi ra kia, tiều ra đấy

(Cha cố và sư ông thi tài)

- Đến mà ỉa ra bếp ông cũng chịu

(Ăn quen bén mùi)

- Mà ỉa làm mất thì mà ỉa chết !

(Bầm quan lớn, ngài minh lắm)

5. Nghiên cứu vấn đề phong cách khẩu ngữ trong truyện tiểu lâm Việt Nam là một việc làm khá thu hút và lý thú. Nó giúp ta hiểu rõ thêm về từ ngữ giao tiếp và từ đó áp dụng vào việc dạy nói, dạy nghe cho sinh viên nước ngoài quả là có nhiều bổ ích.

Trong bài viết này, chúng tôi mạo muội đưa ra một vài suy nghĩ bước đầu. Hẳn là ở đây có nhiều vấn đề còn bỏ sót và chưa chính xác. Hy vọng sẽ nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các bạn đồng nghiệp để bài viết này được trọn vẹn hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Cừ - Phan Trọng Thường. Kho tàng truyện tiểu lâm Việt Nam - NXB Văn học, 1992.
2. Đỗ Thanh. dịch. Truyện cười Ba Tư. NXB Khoa học xã hội, 1993.
3. Truyện cười - NXB Quảng ninh, 1991.
4. Cù Đình Tú. Phong cách học và đặc điểm tu từ tiếng Việt. NXB Đại học và trung học chuyên nghiệp, 1983.
5. Nguyễn Tài Căn. Ngữ pháp Tiếng Việt. NXB Đại học và TTCN, 1975.
5. Đái Xuân Ninh. Hoạt động của từ tiếng Việt, NXB Khoa học xã hội, 1978.
7. Hoàng Trọng Phiến. Ngữ pháp tiếng Việt - câu. NXB Đại học và THCN, 1986.
3. Nguyễn Kim Thán. Động từ trong tiếng Việt. NXB Khoa học xã hội, 1987.
2. Lê Cận - Nguyễn Quan Ninh. Tiếng Việt : 9. NXB Bộ giáo dục và đào tạo, 1992.

THE CONVERSATIONAL STYLE OF VIETNAMESE JOKE BOOKS.

Ho Dinh Thien

In this article, the author presents two principal part. There are the creation and the activity of the words and syntactical structures used in coneverational style in joke books.

In the first part, he demonstrates the creaction of conversational words and the change in significance, gallism, expression and speech.

In the second part, he presents the structure of sentences containing one subject - predicate and several subject-predicates which possess the characteristics of conversational style.